

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ – ST.

Ngày: 18-03-2025.

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Mộng Tuyền**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thúy Kiên**.

2. Bà **Thái Ánh Trinh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Ngọc Gia Hân** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Ngọc Chi** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị L** - sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông **Cao Thanh T** - sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2024 và trong quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn bà Võ thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Cao Thanh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Cần Thơ vào ngày 24/8/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng đầm ấm, hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được nên ông bà đã quyết định sống ly thân từ khoảng năm 2020 đến nay. Từ khi sống ly thân bà và ông T cũng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà xác định không còn tình cảm và

không thể tiếp tục chung sống với ông T nên bà yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu cho bà được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông T chung sống có 02 con chung tên Cao Thị Ngọc N, sinh ngày 09/4/2009 và Cao Ngọc Tâm Q, sinh ngày 13/12/2011 hiện do ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà tự nguyện dành quyền nuôi dưỡng hai con chung cho ông T. Về cấp dưỡng nuôi con bà và ông T sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không.

Do bà phải đi làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt tại các phiên hòa giải và được xét xử vắng mặt. Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/3/2025 bị đơn ông Cao Thanh T trình bày:

Ông và bà L tự nguyện tiến đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới vào khoảng năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng đầm ấm, hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn bà L bỏ đi không còn chung sống với ông cho đến nay. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như bà L trình bày là đúng, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xảy ra cự cãi nên bà L đã bỏ nhà đi từ đó ông bà sống ly thân và đến nay ông bà cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do ông và bà L sống ly thân đã lâu và nay tình cảm của ông đối với bà L cũng không còn nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà L có 02 con chung tên Cao Thị Ngọc N, sinh ngày 09/4/2009 và Cao Ngọc Tâm Q, sinh ngày 13/12/2011 hiện do ông đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông đồng ý nhận quyền nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi hai con thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con cho ông.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông thống nhất với ý kiến của bà L vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Đồng thời, do ông phải đi làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn nên ông yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và được xét xử vắng mặt. Ngoài ra, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án bà L có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên hòa giải còn ông T có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký và việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị L và ông Cao Thanh T.

- Về con chung: Giao con chung Cao Thị Ngọc N, sinh ngày 09/4/2009 và Cao Ngọc Tâm Q, sinh ngày 13/12/2011 cho ông T tiếp tục được quyền nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi), bà L không phải cấp dưỡng nuôi con cho ông T.

- Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Bà Võ Thị L phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Xét quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn bà Võ Thị L và bị đơn ông Cao Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp*: Bà Võ Thị T1 yêu cầu ly hôn với ông Cao Thanh T. Do đó, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Cao Thanh T có địa chỉ cư trú tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. Do đó, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông T tiến đến hôn nhân vào năm 2009 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông bà thống nhất cho rằng do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xảy ra cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông bà đã quyết định sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Từ khi sống ly thân giữa ông, bà cũng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông T nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt tại phiên hòa giải và chấp nhận yêu cầu cho bà được ly hôn với ông T. Về phía ông T trong quá trình giải quyết vụ án, ông T cũng xác định không còn tình cảm với bà L đồng thời có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu được xét xử vắng mặt. Từ đó cho thấy ông T đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà L và ông cũng không có thiện chí hoà giải để hàn gắn tình cảm với bà L. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông bà đã

đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được và nay bà L yêu cầu được ly hôn, về phía ông T cũng đồng ý. Do đó, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L và ông T theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Bà L và ông T chung sống có 02 con chung tên Cao Thị Ngọc N, sinh ngày 09/4/2009 và Cao Ngọc Tâm Q, sinh ngày 13/12/2011 hiện do ông T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết ông bà thống nhất giao hai con chung cho ông T tiếp tục được quyền nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi), bà L không phải cấp dưỡng nuôi con cho ông T. Xét, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung khi cha mẹ ly hôn cháu Cao Thị Ngọc N và Cao Ngọc Tâm Q có nguyện vọng được sống với ông T (Bút lục 22, 23) nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Xét việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông T cho rằng ông có khả năng nuôi con nên không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã giải thích cho ông T biết việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng ông T vẫn xác định không yêu nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà L phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ thị L và ông Cao Thanh T.

- Về con chung: Giao hai con chung Cao Thị Ngọc N, sinh ngày 09/4/2009 và Cao Ngọc Tâm Q, sinh ngày 13/12/2011 cho ông T tiếp tục được quyền nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi), bà L không phải cấp dưỡng nuôi con cho ông T.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà L không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị L phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005664 ngày 16/10/2024 (*công nhận bà L đã nộp xong*).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Chi Cục THA DS Q. Thốt Nốt;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Mộng Tuyền